

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 11 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Nhật L, sinh năm 2000; cư trú tại ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 2001; cư trú tại ấp H, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Nhật L trình bày: Anh L và chị N kết hôn với nhau vào khoảng năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, Nng sau khi cưới nhau được khoảng 01 năm hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị không còn sống chung từ khoảng tháng 3/2021 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ

chồng cũng không thể hàn gắn lại được, anh cũng không còn tình cảm gì với chị N nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Hồng N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh L và chị N có 01 người con chung tên: Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019. Từ lúc vợ chồng anh chị không còn sống chung đến nay thì do chị N nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Anh L và chị N tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai. Khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày ý kiến tại biên bản ghi lời khai ngày 06/10/2021, chị N thống nhất với anh L về mối quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị không còn sống chung từ khoảng tháng 3/2021 cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị N và anh L có 01 người con chung tên: Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019. Từ lúc vợ chồng anh chị không còn sống chung đến nay thì do chị nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi ly hôn chị yêu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh L tự thỏa thuận, anh chị không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 và khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Nhật L đối với chị Trần Thị Hồng N; về con chung: Giao người con chung tên Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Trần Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại cháu T đang sống với chị N nên giữ nguyên. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Nhựt L yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Hồng N và giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Bị đơn chị Trần Thị Hồng N, cư trú tại ấp H, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Anh Trần Nhựt L và chị Trần Thị Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị N.

[4]. Về nội dung: Anh Trần Nhựt L và chị Trần Thị Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân giữa anh L và chị N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhựt L yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Hồng N. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh L và chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được. Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, Nng trong thời gian chung sống anh L và chị N phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại anh L và chị N không còn sống chung khoảng một năm nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị N.

[6]. Về con chung: Anh Trần Nhựt L và chị Trần Thị Hồng N xác định vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên: Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019. Từ lúc vợ chồng anh chị không còn sống chung đến nay thì do chị N nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu T cho chị N được tiếp tục nuôi con và anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu T cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Buộc anh Trần Nhựt L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con tên Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019, mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay khi có đơn yêu cầu của chị Trần Thị Hồng N.

[7]. Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Nhựt L và chị Trần Thị Hồng N xác định, anh chị không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Nhựt L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 và khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Nhựt L đối với chị Trần Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Trần Thị Hồng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện tại cháu T đang sống với chị N nên giữ nguyên. Anh Trần Nhựt L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Nhựt L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con tên Trần Trung T, sinh ngày 08/12/2019, mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay khi có đơn yêu cầu của chị Trần Thị Hồng N.

3. Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Nhựt L và chị Trần Thị Hồng N xác định, anh chị không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình anh Trần Nhựt L phải nộp 300.000 đồng. Anh L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001695 ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh L phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Nhựt L và chị Trần Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tăng Giàu